

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2025
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 637/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1976; Địa chỉ ĐKTT: 212/47/2 đường N, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quang D, sinh năm: 1966; Địa chỉ ĐKTT: 23C, đường số T, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ hiện nay: Đang chấp hành án tại Trại Tạm giam Công an tỉnh N (số N, đường Đ, thành phố V, tỉnh N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 18 tháng 7 năm 2024 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày: Bà T và ông Trần Quang D chung sống vợ chồng từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số: 01/2001, đăng ký ngày 12/7/2001. Thời gian đầu bà T và ông D sống chung hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2014 cho đến nay bà T và ông D không còn chung sống với nhau nữa. Bản thân bà T cũng biết ông D đi sẽ không hẹn ngày trở về, nên

giữa bà T và ông D không thể đoàn tụ, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T yêu cầu Toà án xem xét giải quyết cho bà T được ly hôn ông Trần Quang Anh D. Về con chung: có 03 con chung tên là Trần Anh H1, sinh ngày: 02/11/2001 (thành niên); Trần Anh H2, sinh ngày: 18/01/2010 và Trần Kim Quỳnh T, sinh ngày: 13/4/2012; Ngoài ra không có con chung nào khác. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Trần Anh H2 và Trần Kim Quỳnh T; Không yêu cầu ông Trần Quang D cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên là Trần Anh H2 và Trần Kim Quỳnh T. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 12 năm 2024 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn là ông Trần Quang D trình bày: Ông D và bà Lê Thị Ngọc T là vợ chồng, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà T yêu cầu Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết ly hôn thì ông D đồng ý ly hôn với bà T. Ông D và bà T có 03 con chung tên là Trần Anh H1, sinh năm: 2001; Trần Anh H2, sinh năm: 2010 và Trần Kim Quỳnh T, sinh năm: 2012. Nay con Trần Anh H1 đã thành niên nên con muốn ở với ai là tùy con quyết định. Ông D đồng ý để bà T được quyền nuôi 02 con chung tên là Trần Anh H2 và Trần Kim Quỳnh T. Ông D và bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số: 01/2001, đăng ký ngày 12/7/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (bản chính); Trích lục khai sinh số 164/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/5/2016 (bản sao); Trích lục khai sinh số 164/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/5/2016 (bản sao); Giấy khai sinh số 44, quyển số: 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/4/20212 (bản sao). Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc T thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Quang D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Tòa án

vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Lê Thị Ngọc T và ông Trần Quang D chung sống vợ chồng từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyền số: 01/2001, đăng ký ngày 12/7/2001. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T xin ly hôn với ông Trần Quang D. Bà T và ông D không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay, bản thân bà T không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa và ông D đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T xin được ly hôn với ông Trần Quang D là có căn cứ; Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Trần Quang D có 03 con chung tên là Trần Anh H1, sinh ngày: 02/11/2001 (thành niên); Trần Anh H2, sinh ngày: 18/01/2010 và Trần Kim Quỳnh T, sinh ngày: 13/4/2012; Ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay bà Lê Thị Ngọc T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên là Trần Anh H2 và Trần Kim Quỳnh T. Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của bà Lê Thị Ngọc T là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định giao 02 con chung tên là Trần Anh H2 và Trần Kim Quỳnh T cho bà Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng; Theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Về cấp dưỡng nuôi con bà Lê Thị Ngọc T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông D khai không có.

[7] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4, điểm đ khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T xin ly hôn ông Trần Quang D.
2. Về con chung: 03 con chung tên là Trần Anh H1, sinh ngày: 02/11/2001 (thành niên); Trần Anh H2, sinh ngày: 18/01/2010 và Trần Kim Quỳnh T, sinh ngày: 13/4/2012; Ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Trần Anh H và Trần Kim Quỳnh T. Về cấp dưỡng nuôi con bà Lê Thị Ngọc T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông D khai không có.
4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Ngọc T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0030208 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Lê Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- UBND P8 Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn